

Bản án số: 02/2018/KDTM-ST

Ngày 04-9-2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Seo Vần

2. Ông Lê Duy Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Giang Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST- KDTM ngày 24 tháng 4 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST- KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Hồng H

Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai

(Theo quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đình L

Chức vụ: Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai

(Theo giấy ủy quyền ngày 24/4/2018)

Ông Nguyễn Đình L có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lại Thị Như Q - sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lã Tuấn A - sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai
Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình L trình bày:

Ngày 22/4/2016 Ngân hàng N chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai (sau đây gọi là Ngân hàng) kí hợp đồng tín dụng số 8807 LAV2016 1192 với chị Lại Thị Như Q. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho chị Q vay số tiền 100.000.000đ mục đích để sử dụng thanh toán chi phí làm nhà xưởng kinh doanh vật liệu xây dựng tại Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai, chị Q có đăng ký hộ kinh doanh với ngành nghề kinh doanh vật liệu xây dựng. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 22/4/2016, lãi suất cho vay 11,5%/năm, kì hạn trả nợ theo phụ lục hợp đồng theo từng giấy nhận nợ.

Để bảo đảm tiền vay, chị Q cùng chồng là anh Lã Tuấn A đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số 1504/2015/XG-LTNQ/HĐTC ngày 15/4/2015 với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất số 339 tờ bản đồ P6-9 diện tích 97,8m² đất ở nông thôn tại Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp ngày 02/4/2015 đứng tên ông Lã Tuấn A và bà Lại Thị Như Q số phát hành BV948889. Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, ngân hàng cho vay có tài sản bảo đảm là 60.735.000đ (chiếm 60,7% tổng dư nợ), cho vay không có tài sản bảo đảm là 39.265.000đ (chiếm 39,3% tổng dư nợ).

Theo phụ lục hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho chị Q tiền vay 100.000.000đ, phương án trả nợ gốc phân thành 05 kỳ trả nợ vào ngày 22/4 các năm từ 2017 đến 2021 mỗi kỳ trả 20.000.000đ, trả lãi vào ngày 30 hàng tháng. Đến ngày 15/4/2017 chị Q xin cơ cấu lại thời gian trả nợ gốc của kỳ đầu tiên với lý do từ đầu năm 2017 do chồng chị anh Lã Tuấn A là giám đốc Công ty TNHH một thành viên L kinh doanh khó khăn nên gia đình vẫn phải sử dụng vốn lưu động để phục vụ kinh doanh. Qua xem xét thực tế Ngân hàng chấp nhận cơ cấu lại thời gian trả nợ gốc kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 02/10/2017. Tuy nhiên đến hạn chị Q vẫn không trả được nợ, và ngày 22/4/2018 chị Q tiếp tục không trả nợ gốc của kỳ thứ hai, chị Q mới trả lãi đến 31/8/2017. Chị Q đã vi phạm khoản 3 Điều 3 và Điều 4 của Hợp đồng tín dụng, vì vậy dư nợ của hợp đồng này đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 02/10/2017 và Ngân hàng có quyền đòi nợ trước thời hạn.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và thông báo yêu cầu thanh toán nợ nhưng chị Q không thanh toán, hiện tại chị Q và anh A đều vắng mặt tại địa phương không biết đi đâu làm gì. Vì vậy Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Q và anh Lã Tuấn A phải thanh toán trả toàn bộ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng 8807 LAV2016 1192 ngày 22/4/2016 và tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa

án giải quyết buộc chị Lại Thị Như Q và anh Lã Tuấn A phải trả cho ngân hàng nợ gốc và lãi tính từ ngày 31/8/2017 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm cụ thể như sau:

Nợ gốc: 100.000.000đ

Tiền lãi là: 14.657.653đ (Lãi trong hạn: 8.771.639đ; Lãi quá hạn: 4.523.333đ; Lãi chậm trả: 1.362.680)

Tổng cộng cả gốc và lãi đến ngày xét xử là: 114.657.653đ

Đề nghị giải quyết buộc anh chị phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay. Trường hợp anh chị không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 1504/2015/XG-LTNQ/HĐTC ngày 15/4/2015.

Ngoài số nợ này chị Q còn vay Ngân hàng số tiền 300.000.000đ theo hợp đồng số 8807 LAV 201501046 ngày 04/5/2015 và cũng thế chấp quyền sử dụng đất là thửa đất số 339 tờ bản đồ P6-9 diện tích 97,8m² đất ở nông thôn tại Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Đối với khoản vay này Ngân hàng đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai bằng một vụ án dân sự.

Đối với vụ án này, sau khi thụ lý vụ án, do chị Lại Thị Như Q và anh Lã Tuấn A vắng mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tổng đạt được, xác minh sự vắng mặt của đương sự và thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Theo yêu cầu của Ngân hàng, Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc thụ lý vụ án và yêu cầu anh chị đến Tòa án để tham gia tố tụng, tuy nhiên hết thời hạn thông báo mà anh chị vẫn không có mặt tại địa phương.

Ngày 15/6/2018 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, qua xem xét hiện trạng thửa đất, diện tích sử dụng đất đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã cấp cho anh Lã Tuấn A và chị Lại Thị Như Q, đất không có tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại nơi cư trú, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, 293, 294, 296, 298, 299, 320, 323, 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc chị Lại Thị Như Q và anh Lã Tuấn A phải liên đới thanh toán cho ngân hàng số

tiền nợ gốc 100.000.000đ và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 8807 LAV2016 1192 ngày 22/4/2016. Trường hợp chị Lại Thị Như Q và anh Lã Tuấn A không thanh toán thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Tuyên nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng N khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với chị Lại Thị Như Q địa chỉ tại Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho chị Q vay tiền mục đích để sử dụng thanh toán chi phí làm nhà xưởng kinh doanh vật liệu xây dựng, chị Q có đăng ký hộ kinh doanh với ngành nghề kinh doanh vật liệu xây dựng. Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai thụ lý giải quyết vụ án kinh doanh thương mại là đúng quy định theo Điều 30; 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lại Thị Như Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lã Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật: Quan hệ hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với chị Q được xác lập ngày 22/4/2016, thời điểm Bộ luật dân sự 2005 đang có hiệu lực thi hành, Bộ luật dân sự 2015 chưa có hiệu lực thi hành. Tại thời điểm giải quyết vụ án Bộ luật dân sự 2005 đã hết hiệu lực và Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, xét thấy hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3]. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử khẳng định hợp đồng tín dụng số 8807 LAV2016 1192 ngày 22/4/2016 giữa Ngân hàng với chị Lại Thị Như Q được giao kết hợp pháp, phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119 Bộ luật dân sự 2015. Quá trình thực hiện hợp đồng chị Q được phân kỳ trả nợ gốc thành 05 kỳ vào ngày 22/4 các năm từ 2017 đến 2021 mỗi kỳ trả 20.000.000đ, trả lãi vào ngày 30 hàng tháng. Mặc dù đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ gốc kỳ thứ nhất là ngày 02/10/2017, chị Q không trả được nợ và sau đó tiếp tục không trả nợ kỳ thứ hai. Chị Q đã vi phạm khoản 3 Điều 3 và Điều 4 của Hợp đồng tín dụng, vì vậy dư nợ của hợp đồng này đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 02/10/2017 và Ngân hàng có quyền đòi nợ trước thời hạn là phù hợp với khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Mặc dù chủ thể tham gia kí kết hợp đồng với Ngân hàng là chị Lại Thị Như Q, tuy nhiên chị Q và anh A là vợ chồng hợp pháp, mục đích chị Q vay tiền là để phục vụ hoạt động kinh doanh chung của hộ gia đình. Bên cạnh đó chị Q và anh A đều tự nguyện thế chấp tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 339 tờ bản đồ P6-9 diện tích 97,8m² để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, và quá trình xác minh lý do chậm trả nợ nhận thấy nguồn gốc tiền trả nợ là từ hoạt động kinh doanh của anh chị từ công ty TNHH một thành viên L do anh Lã Tuấn A là giám đốc. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu chị Q và anh A phải liên đới trả nợ theo hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc chị Q và anh A liên đới trả nợ số tiền vay 100.000.000đ.

[4]. Về tiền lãi, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đương sự đã cung cấp, chị Q đã trả lãi đến ngày 31/8/2017. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng cung cấp bảng kê chi tiết tính lãi và đề nghị Tòa án buộc chị Q và anh A phải trả lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 31/8/2017 tạm tính đến ngày xét xử, cụ thể: Lãi trong hạn: 8.771.639đ; Lãi quá hạn: 4.523.333đ; Lãi chậm trả: 1.362.680đ; Tổng cộng lãi là: 14.657.653đ. Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận buộc anh chị phải liên đới trả tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử là 14.657.653đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Lại Thị Như Q và anh Lã Tuấn A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[5]. Về hợp đồng thế chấp số 1504/2015/XG-LTNQ/HĐTC ngày 15/4/2015, căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/6/2018, thửa đất số 339 tờ bản đồ P6-9 diện tích 97,8m² đất ở nông thôn tại Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai có hiện trạng sử dụng đất phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp ngày 02/4/2015 đứng tên ông Lã Tuấn A bà Lại Thị Như Q, đất không có tranh chấp. Tài sản được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B, tỉnh Lào Cai. Theo biên bản xác định giá trị tài sản giữa các bên lập ngày 15/4/2015, thửa đất số 339 tờ bản đồ P6-9 diện tích 97,8m² được xác định có giá trị 400.980.000đ. Nghĩa vụ được bảo đảm theo thỏa thuận tại Điều 2 hợp đồng thế chấp là 300.735.000đ. Tại biên bản xác định lại giá trị tài sản bảo đảm số 2204/2016/XG-LTNQ/BBDG ngày 22/4/2016, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất số 339 tờ bản đồ P6-9 diện tích 97,8m² có giá trị là 400.980.000đ.

Tại Điều 6 hợp đồng tín dụng số 8807 LAV2016 1192 ngày 22/4/2016, hai bên thỏa thuận ngân hàng cho vay có tài sản bảo đảm là 60.735.000đ (chiếm 60,7% tổng dư nợ), cho vay không có tài sản bảo đảm là 39.265.000đ (chiếm 39,3% tổng dư nợ). Hợp đồng thế chấp còn được bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng 8807 LAV2015 01046 giữa Ngân hàng với chị Q với số tiền vay là

300.000.000đ nợ gốc (chưa thanh toán 240.000.000đ). Như vậy giá trị tài sản tại thời điểm xác lập giao dịch bảo đảm lớn hơn tổng giá trị các nghĩa vụ được bảo đảm. Căn cứ các Điều 293, 294, 296, 298, 299 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử khẳng định yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp chị Q và anh A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí: Chị Lại Thị Như Q và anh Lã Tuấn A phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng đã nộp số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ, Ngân hàng tự nguyện chi phí và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 293, 294, 296, 298, 299, 320, 323, 466 và Điểm b Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N

Buộc chị Lại Thị Như Q và anh Lã Tuấn A phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng N số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 8807 LAV2016 1192 ngày 22/4/2016 là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi gồm lãi trong hạn: 8.771.639đ; Lãi quá hạn: 4.523.333đ; Lãi chậm trả: 1.362.680đ, tổng cộng tiền lãi là: 14.657.653đ (Mười bốn triệu, sáu trăm năm mươi bảy ngàn, sáu trăm năm mươi ba đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là: 114.657.653đ (Một trăm mười bốn triệu, sáu trăm năm mươi bảy ngàn, sáu trăm năm mươi ba đồng). Quy phân cụ thể:

Chị Lại Thị Như Q phải trả cho Ngân hàng N số tiền là 57.328.826đ (Năm mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi tám ngàn, tám trăm hai mươi sáu đồng), trong đó tiền nợ gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 7.328.826đ (bảy triệu, ba trăm hai mươi tám ngàn, tám trăm hai mươi sáu đồng).

Anh Lã Tuấn A phải trả cho Ngân hàng N số tiền là 57.328.826đ (Năm mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi tám ngàn, tám trăm hai mươi sáu đồng) trong đó tiền nợ gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 7.328.826đ (bảy triệu, ba trăm hai mươi tám ngàn, tám trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Lại Thị Như Q và anh Lã Tuấn A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán

theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà chị Lại Thị Như Q và anh Lã Tuấn A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

Trường hợp chị Lại Thị Như Q và anh Lã Tuấn A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ của hợp đồng tín dụng 8807 LAV2016 1192 ngày 22/4/2016 thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số 1504/2015/XG-LTNQ/HĐTC ngày 15/4/2015. Tài sản được quyền xử lý là thửa đất số 339 tờ bản đồ P6-9 diện tích 97,8m² đất ở nông thôn tại Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai cấp ngày 02/4/2015 đứng tên ông Lã Tuấn A và bà Lại Thị Như Q số phát hành BV 948889.

Về án phí: Chị Lại Thị Như Q và anh Lã Tuấn A mỗi người phải chịu 2.866.400đ (Hai triệu, tám trăm sáu mươi sáu ngàn, bốn trăm đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.705.500đ (Hai triệu, bảy trăm linh năm ngàn, năm trăm đồng) theo biên lai số 0007534 ngày 24/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT (2);
- Đường sự (03);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng